TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN K	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH HƯNG YÊN	----------
----------	K, ngày 07 tháng 04 năm 2023
Số: 51/2023/QĐST-HNGĐ	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2023/TLST – HNGĐ, ngày 09/03/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT, nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Đào N1 V, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký HKTT, nởi ở hiện tại: Thôn B, xã V, huyện K1, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào P L, sinh ngày 07/6/2009 và cháu Đào K2 N, sinh ngày 07/9/2014.

Người giám hộ cho cháu L và cháu N là chị T và anh V.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 03 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đào N1 V.

2/ **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đào N1 V đều nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Giao cháu Đào P L, sinh ngày 07/6/2009 và cháu Đào K1 N, sinh ngày 07/9/2014 cho chị T tiếp tục nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Việt có quyền xin thay đổi quyền nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008164, ngày 09/03/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, chị T còn được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Đ1
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thế P1